

PART 2: Chọn đáp án đúng

1. I _____ dancing.
A. am
B. is
C. are
D. be
2. She _____ singing.
A. am
B. is
C. are
D. be
3. They _____ playing.
A. am
B. is
C. are
D. be
4. He is _____.
A. run
B. running
C. runs
D. ran
5. We are _____ TV.
A. watch
B. watching
C. watches
D. watched

PART 3: Điền vào chỗ trống

(am / is / are / dancing / singing / playing)

1. I _____ dancing with my dad.
2. She _____ singing.
3. He _____ playing football.
4. They _____ running.
5. We _____ watching TV.

PART 4: Nối các cặp phù hợp với nhau

- | | |
|-----------------------------|--------------------------|
| 1. I'm dancing with my dad. | a. They are in the park. |
| 2. She's singing. | b. I am happy. |
| 3. He's playing football. | c. She has a nice voice. |
| 4. They're running. | d. He is very fast. |
| 5. We're watching TV. | e. It is interesting. |

PART 5: Sắp xếp lại cho đúng

1. dancing / I'm / dad / my / with
→ _____
2. is / She / singing
→ _____
3. playing / He / is / football
→ _____
4. are / They / running
→ _____
5. watching / We / are / TV
→ _____

PART 6: Viết thành câu hoàn chỉnh

1. I / dance
→ _____
2. She / sing
→ _____
3. He / play football
→ _____
4. They / run
→ _____
5. We / watch TV
→ _____